

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

---

**Tháng 3 năm 2018**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Đặng Văn Chiến	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Thái	Thành viên
Ông Đỗ Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên
Ông Lê Xuân Khôi	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Thái	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/7/2017)

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

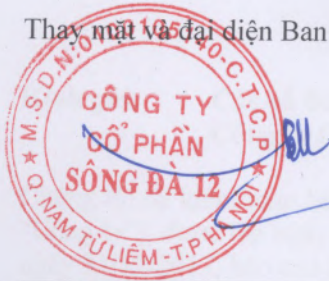
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Hoàng Văn Thái**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018



**anviet**

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**

W  
E  
T  
F

Số: 86/2018/KT-AV3-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 12**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/3/2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại 31/12/2017, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với tổng số tiền là 13.088.758.981 VND. Nếu Công ty thực hiện theo quy định hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng thêm 13.088.758.981 VND và kết quả kinh doanh sẽ giảm đi tương ứng, cụ thể trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2017, chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng thêm 13.088.758.981 VND và chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 13.088.758.981 VND.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Thuyết minh số 36 diễn giải thông tin về sự nghi ngờ về hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

---

**Vũ Thị Hương Giang**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0388-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018*

---

**Nguyễn Thị Hoài Thu**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2461-2018-055-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>173.833.242.739</b>	<b>192.720.502.611</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.854.582.854</b>	<b>4.457.268.769</b>
1. Tiền	111	5	3.854.582.854	4.457.268.769
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.530.567.500</b>	<b>2.955.404.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.1	5.141.078.364	5.241.078.364
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.2	(2.610.510.864)	(2.285.673.864)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>120.656.741.088</b>	<b>128.730.890.338</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	56.988.105.601	65.447.674.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.345.893.509	7.762.031.450
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	68.448.760.897	69.826.229.520
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(15.770.500.726)	(14.596.127.656)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	644.481.807	291.082.754
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>42.809.528.634</b>	<b>54.865.473.345</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	43.590.676.417	55.646.621.128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	12	(781.147.783)	(781.147.783)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.981.822.663</b>	<b>1.711.465.659</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	127.889.171	51.238.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.853.933.492	1.660.227.656
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>77.187.351.395</b>	<b>87.754.062.844</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>62.551.576.042</b>	<b>62.551.576.042</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	62.551.576.042	62.551.576.042
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.524.359.005</b>	<b>9.239.478.740</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	5.953.150.936	8.629.649.055
- Nguyên giá	222		23.413.714.721	28.975.847.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.460.563.785)	(20.346.198.378)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	571.208.069	609.829.685
- Nguyên giá	228		999.709.888	999.709.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(428.501.819)	(389.880.203)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.971.026.465</b>	<b>14.901.026.465</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.3	7.080.000.000	7.080.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.3	2.397.500.000	11.397.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.4	(1.506.473.535)	(3.576.473.535)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140.389.883</b>	<b>1.061.981.597</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	140.389.883	1.061.981.597
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>251.020.594.134</b>	<b>280.474.565.455</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>266.306.943.191</b>	<b>277.824.723.071</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>201.770.666.310</b>	<b>206.279.996.190</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	77.060.200.503	58.279.940.009
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.018.538.734	23.513.032.366
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	28.691.429.393	28.321.130.322
4. Phải trả người lao động	314		8.242.065.487	9.613.374.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	11.157.532.489	9.595.997.904
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.1	56.097.036.376	57.665.235.319
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	9.503.863.328	19.291.285.852
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>64.536.276.881</b>	<b>71.544.726.881</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.2	64.536.276.881	71.544.726.881
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(15.286.349.057)</b>	<b>2.649.842.384</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>(15.286.349.057)</b>	<b>2.649.842.384</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	15.777.278.787	15.777.278.787
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21a	(81.063.627.844)	(63.127.436.403)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(63.127.436.403)	(63.396.218.142)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.936.191.441)	268.781.739
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>251.020.594.134</b>	<b>280.474.565.455</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu - Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Thái



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm 2017

Mẫu số B02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	59.958.278.197	85.306.638.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	59.958.278.197	85.306.638.073
4. Giá vốn hàng bán	11	23	62.891.770.317	79.367.836.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.933.492.120)	5.938.801.626
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	207.392.049	255.173.377
7. Chi phí tài chính	22	25	311.652.985	5.625.057.214
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.056.815.985	4.242.584.214
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	12.207.060.734	7.514.959.958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(15.244.813.790)	(6.946.042.169)
11. Thu nhập khác	31	27	914.866.385	10.464.803.506
12. Chi phí khác	32	28	3.606.244.036	1.296.060.558
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.691.377.651)	9.168.742.948
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(17.936.191.441)	2.222.700.779
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	1.953.919.040
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(17.936.191.441)	268.781.739
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(3.587)	54

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu - Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Hải

Hoàng Văn Thái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2017

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(17.936.191.441)	2.222.700.779
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14, 15	2.563.467.485	2.634.423.236
- Các khoản dự phòng	03		(570.789.930)	1.115.936.984
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(867.603.434)	(10.255.083.612)
- Chi phí lãi vay	06	25	2.056.815.985	4.242.584.214
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.754.301.335)	(39.438.399)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.206.070.344	14.991.952.332
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.055.944.711	(2.955.135.480)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.953.358.524	(18.422.500.337)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		844.940.546	(717.710.801)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		100.000.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(810.531.865)	(2.424.345.419)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.545.190.638
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(4.576.731.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.595.480.925	(9.598.718.867)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(71.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.496.363.635	8.803.390.824
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.070.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	22.892.049	166.085.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.589.255.684	8.898.476.028
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	1.933.500.000	20.618.947.984
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(11.720.922.524)	(16.579.224.991)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.787.422.524)	4.039.722.993
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(602.685.915)	3.339.480.154
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.457.268.769	1.117.788.615
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	5	3.854.582.854	4.457.268.769

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

Người lập biểu - Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Thái



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

MÃ SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (gọi tắt là “Công ty”), trụ sở đặt tại tầng 8 khối B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2908/QĐ-BXD ngày 30/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 23/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là: 50.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh: xây lắp.****1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông (đường bộ, cầu cảng, sân bay);
- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng thủy lợi, đường dây và trạm biến thế;
- Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, buru điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Thi công xây lắp hệ thống điện đến 220KV;
- Kinh doanh bất động sản; Quản lý, kinh doanh nhà;
- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung;
- Sản xuất phụ tùng, phụ kiện kim loại dùng cho xây dựng, cột điện ly tâm;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng;
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Cho thuê phương tiện vận tải thủy;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá, máy móc, thiết bị thông thường, chuyên dùng, hàng container và siêu trường siêu trọng;
- Kinh doanh khí nén; Chế biến và kinh doanh than mỏ, xăng, dầu, mỡ;
- Kinh doanh thép, xi măng, chất phụ gia bê tông, vật tư, thiết bị xây dựng; Kinh doanh vật liệu không nung;
- Đóng mới phương tiện vận tải thủy;
- Sửa chữa, đại tu các phương tiện vận tải, máy xây dựng, gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Lắp đặt, vận hành khí nén;
- Kinh doanh điện;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

- Kinh doanh nước sản xuất và sinh hoạt;
- Tháo dỡ thiết bị, cấu kiện sắt thép, phương tiện vận tải thủy bộ;
- Lắp đặt vận hành mạng thông tin liên lạc;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê thiết bị, cần trục;
- Sản xuất chất phụ gia bê tông.

1.4 **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** không quá 12 tháng.

1.5 **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của doanh nghiệp.

1.6 **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
<b>A Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)</b>		
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Xí Số 55, Quốc lộ 5, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Xây lắp nghiệp Sông Đà 12 - 4
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Xí Đường Trần Quý Cao tổ 19, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình (đã giải thể từ ngày 07/11/2016 theo Quyết định số 39/QĐ/HĐQT)	Xây lắp nghiệp Sông Đà 12-2
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Xí Số 133 phố Lục Đầu Giang, Phường Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương	Xây lắp nghiệp Xây lắp và Kinh doanh vật tư vận tải

1.7 **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp:** các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có khả năng so sánh được.

## 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Các khoản đầu tư tài chính****4.3.1 Chứng khoán kinh doanh:**

Phản ánh giá trị các khoản cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của chúng được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***4.3.2 Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*****Đầu tư vào công ty liên kết:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:***

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

**Ghi nhận các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Tại 31/12/2017, Công ty trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc (Công ty liên kết) với số tiền là 1.506.473.535 VND dựa trên cơ sở báo cáo tài chính đã được công bố các năm trước và tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi trừ đi giá trị vốn góp nhận ủy thác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty, mặc dù chưa phù hợp với các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Trong năm, Công ty chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên (Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác) với số tiền là 9.000.000.000 VND, trong đó thực thu bằng tiền là 2.070.000.000 VND, phần còn lại được bù trừ qua công nợ phải trả.

**4.4 Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:**

a) Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên liên doanh bỏ ra thì bên đó phải gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

c) Các bên tham gia liên doanh ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát giữa Công ty và Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là "BMM"), là hoạt động góp vốn theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HĐLD ngày 05/6/2008 về việc liên doanh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông, tổng vốn đầu tư của dự án là 312.786.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/2010/HĐLD SĐ12-BMM ngày 15/10/2010 và phụ lục hợp đồng liên doanh số 02/2013/HĐLD SĐ12-BMM ngày 30/9/2013, hai bên thỏa thuận BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 03/2016/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 25/01/2016, BMM trả lại phần vốn góp của tầng 4 trị giá 7.776.000.000 VND cho Công ty. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án.

**4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu lãi cho vay ngắn hạn; phải thu các đội thi công; phải thu tiền chi phí vận chuyển tại các công trình; phải thu tiền bảo hiểm của người lao động; các khoản tạm ứng; ký quỹ ...
- Phải thu dài hạn khác là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là "BMM") theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HĐLD ngày 05/6/2008 về việc liên doanh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông, tổng vốn đầu tư của dự án là 312.786.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/2010/HĐLD SĐ12-BMM ngày 15/10/2010 và phụ lục hợp đồng liên doanh số 02/2013/HĐLD SĐ12-BMM ngày 30/9/2013, hai bên thỏa thuận BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 03/2016/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 25/01/2016, BMM trả lại phần vốn góp của tầng 4 trị giá 7.776.000.000 VND cho Công ty. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên khả năng thu hồi trong tương lai căn cứ vào đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

Giá vốn tương ứng doanh thu trong kỳ sẽ được xác định bằng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ cộng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định theo tỷ lệ với giá trị sản lượng doanh thu trước thuế dở dang. Giá trị sản lượng doanh thu trước thuế dở dang căn cứ theo báo cáo kiểm kê dở dang của phòng kinh tế kỹ thuật nhân (x) đơn giá dự toán hợp đồng.

**4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Tiền chi ra chi phí cho đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... để có quyền thuê đất với thời gian sử dụng 25 năm.
- Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm Hệ điều hành Windows 2000 không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng, là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	25
Phần mềm máy tính	03

**4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, tiền cước internet, chi phí thẩm định, kiểm định và chi phí khác. Cụ thể như sau:

- Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng từ thời điểm đưa vào sử dụng;
- Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ khi sửa chữa, lắp đặt hoàn thành;
- Tiền cước internet được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền trả trước và số kỳ trả trước;
- Chi phí thẩm định, kiểm định và chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; phải trả về cổ phần hóa; lãi chậm nộp bảo hiểm; lãi vay phải trả; phải trả tiền mua chung cư BMM của khách hàng cho Công ty Sản xuất Thương mại BMM; phải trả các đội thi công công trình; cổ tức, lợi nhuận phải trả; tiền lãi chậm trả phải trả cho khách hàng dự án BMM và các khoản phải trả khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.13 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chi phí công trình, chi phí phải trả khác.

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

**4.15 Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng:** Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm lãi tiền gửi và lãi đầu tư chứng khoán. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi thực tế trong kỳ;
- Lãi đầu tư chứng khoán là số tiền nhận được từ bán khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.16 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp được bán và thực hiện trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

**4.17 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và hoàn nhập tổn thất các khoản đầu tư được trích lập theo quy định như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

**4.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**4.19 Thuế**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty không có lãi nên không phát sinh thu nhập tính thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bằng không.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng do Công ty chưa chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***4.20 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.21 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Tổng công ty Sông Đà góp vốn đầu tư vào Công ty với tỷ lệ 49% vốn điều lệ và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tổng công ty này được coi là bên liên quan (công ty liên kết) của Công ty.

Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc với tỷ lệ 20,82% vốn điều lệ và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, công ty này được coi là bên liên quan (công ty liên kết) của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các cán bộ quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 7, 16, 21, 22, 34.

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	176.143.210	836.289.577
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.678.439.644	3.620.979.192
<b>Cộng</b>	<b>3.854.582.854</b>	<b>4.457.268.769</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>56.988.105.601</b>	<b>65.447.674.270</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	15.136.628.012	21.260.993.996
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên</i>	4.534.274.770	6.034.274.770
<i>Công ty TNHH Hà Phát</i>	7.268.333.291	7.268.333.291
<i>Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban Điều hành dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2</i>	3.334.019.951	7.958.385.935
Các khoản phải thu của khách hàng khác	41.851.477.589	44.186.680.274
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	762.120.973	2.351.743.858
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	762.120.973	2.351.743.858





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	20,82%	20,82%	13,26%	34.000.000.000	7.080.000.000	(1.506.473.535)	5.573.526.465

Tại 31/12/2017, Công ty đã đầu tư 7.080.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc, tương đương 20,82% vốn điều lệ. Trong đó, vốn ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty là 2.572.100.000 VND, tương đương với 257.210 cổ phiếu, vốn của Công ty là 4.507.900.000, tương đương 450.790 cổ phiếu.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu (*)	896.100	2.397.500.000	-	2.397.500.000	1.796.100	11.397.500.000	(2.070.000.000)	9.327.500.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	-	-	-	-	900.000	9.000.000.000	(2.070.000.000)	6.930.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức	194.000	1.940.000.000	-	1.940.000.000	194.000	1.940.000.000	-	1.940.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess	702.100	457.500.000	-	457.500.000	702.100	457.500.000	-	457.500.000

(\*) Chi tiết phần vốn góp của Công ty đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Số cổ phiếu của Công ty (cổ phiếu)	Vốn góp của Công ty (VND)	Vốn góp ủy thác (VND)	Tổng giá trị vốn góp (VND)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức	-	-	1.940.000.000	1.940.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	-	-	457.500.000	457.500.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.397.500.000</b>	<b>2.397.500.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

## 7.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Năm 2017		Năm 2016	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm				
Trích lập dự phòng		(3.576.473.535)		(3.576.473.535)
Hoàn nhập dự phòng		2.070.000.000		-
Các khoản dự phòng đã sử dụng		-		-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>(1.506.473.535)</b>		<b>(3.576.473.535)</b>

## 8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
<b>8.1 Ngân hạn</b>	<b>68.448.760.897 (1.612.583.160)</b>	<b>69.826.229.520 (1.566.583.160)</b>		
Ký cược, ký quỹ	847.645.825	1.724.237.219		-
Tạm ứng	30.959.124.223	(497.622.800)	30.666.897.024	(497.622.800)
Phải thu khác	36.641.990.849 (1.114.960.360)	37.435.095.277 (1.068.960.360)		-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	3.944.684.024 (706.221.097)	18.491.774.450		-
Phải thu các đối thị công	30.027.762.811 (123.152.452)	12.020.277.736	(421.336.073)	-
Chi phí vận chuyển tại các công trình	243.966.649	207.319.134		-
Phải thu Ban Điều hành Dự án Thủy điện Huội Quang	-	1.725.284.171		-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.000.410.580	(1.903.190)	1.075.204.994	(1.903.190)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.425.166.785 (283.683.621)	3.915.234.792 (645.721.097)		
<b>8.2 Dài hạn</b>	<b>62.551.576.042</b>	<b>- 62.551.576.042</b>		
Ký cược, ký quỹ	3.600.000	- 3.600.000		-
Các khoản phải thu dài hạn khác (*)	62.547.976.042	- 62.547.976.042		-

(\*) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là "BMM") theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HDLĐ ngày 05/6/2008 về việc liên doanh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông, tổng vốn đầu tư của dự án là 312.786.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/2010/HDLĐ SD12-BMM ngày 15/10/2010 và phụ lục hợp đồng liên doanh số 02/2013/HDLĐ SD12-BMM ngày 30/9/2013, hai bên thỏa thuận BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 03/2016/HDLĐ/SD12-BMM ngày 25/01/2016, BMM trả lại phần vốn góp của tăng 4 trị giá 7.776.000.000 VND cho Công ty. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án. Hiện tại dự án đang trong quá trình triển khai khi bàn giao các căn hộ cho người mua. Số tiền tương ứng với số căn hộ thuộc quyền của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 đã thu tiền là 57.760.396.881 VND. Khoản phải thu dài hạn tương ứng số tiền đầu tư đã bỏ và khoản tiền thu do bán các căn hộ thuộc quyền của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 sẽ được bù trừ khi quyết toán toàn bộ dự án như đã nêu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

## 9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư tại 01/01	(14.596.127.656)	(14.662.127.656)
Trích lập dự phòng	(1.194.373.070)	-
Hoàn nhập dự phòng	20.000.000	66.000.000
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b>(15.770.500.726)</b>	<b>(14.596.127.656)</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(12.011.173.146)	(10.845.800.076)
- Phải thu trả trước người bán	(2.146.744.420)	(2.183.744.420)
- Phải thu khác	(1.612.583.160)	(1.566.583.160)

## 10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền	556.401.857	203.002.804
Hàng tồn kho	88.079.950	88.079.950
<b>Cộng</b>	<b>644.481.807</b>	<b>291.082.754</b>

## 11. NỢ XẤU

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>50.275.569.650</b>	<b>34.505.068.924</b>	<b>57.375.430.128</b>	<b>42.779.302.472</b>
<i>Các khoản phải thu khách hàng</i>	<i>44.941.918.676</i>	<i>32.930.745.530</i>	<i>26.496.257.533</i>	<i>15.650.457.457</i>
- Công ty TNHH Hà Phát	7.268.333.291	-	7.268.333.291	-
<i>Thời gian quá hạn: từ 36 tháng trở lên</i>				
<i>Giá trị các khoản phải thu quá hạn</i>	<i>7.268.333.291</i>	<i>-</i>	<i>7.268.333.291</i>	<i>-</i>
- Các đối tượng khác	37.673.585.385	32.930.745.530	19.227.924.242	15.650.457.457
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1.612.583.160</i>	<i>-</i>	<i>26.278.406.327</i>	<i>24.711.823.167</i>
- Ông Dương Viết Thuận	-	-	1.627.312.588	1.627.312.588
<i>Thời gian quá hạn: từ 36 tháng trở lên</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.627.312.588</i>	<i>1.627.312.588</i>
- Các đối tượng khác	1.612.583.160	-	24.651.093.739	23.084.510.579
<i>Các khoản trả trước người bán</i>	<i>3.721.067.814</i>	<i>1.574.323.394</i>	<i>4.600.766.268</i>	<i>2.417.021.848</i>
- Công ty TNHH Hà Phát	1.611.050.420	-	1.611.050.420	-
<i>Thời gian quá hạn: từ 36 tháng trở lên</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>1.611.050.420</i>	<i>-</i>	<i>1.611.050.420</i>	<i>-</i>
- Các đối tượng khác	2.110.017.394	1.574.323.394	2.989.715.848	2.417.021.848



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

## 12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	202.714.210	-	603.351.809	-
Công cụ, dụng cụ	4.030.500	-	13.319.970	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.464.303.505	-	50.184.194.740	-
Thành phẩm	178.938.830	-	178.938.830	-
Hàng hoá	2.740.689.372	(781.147.783)	4.666.815.779	(781.147.783)
<b>Cộng</b>	<b>43.590.676.417</b>	<b>(781.147.783)</b>	<b>55.646.621.128</b>	<b>(781.147.783)</b>

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>13.1 Ngắn hạn</b>	<b>127.889.171</b>	<b>51.238.003</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	-	47.238.003
Chi phí thuê nhà	75.000.000	-
Chi phí thẩm định, kiểm định	52.089.171	-
Tiền cước internet	800.000	4.000.000
<b>13.2 Dài hạn</b>	<b>140.389.883</b>	<b>1.061.981.597</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	57.856.599	944.984.933
Chi phí sửa chữa	29.249.160	116.996.664
Chi phí khác	53.284.124	-

## 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	965.540.364	34.169.524	999.709.888
Tại ngày 31/12/2017	965.540.364	34.169.524	999.709.888
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	355.710.679	34.169.524	389.880.203
Tăng trong năm	38.621.616	-	38.621.616
Khấu hao trong năm	38.621.616	-	38.621.616
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	394.332.295	34.169.524	428.501.819
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	609.829.685	-	609.829.685
Tại ngày 31/12/2017	571.208.069	-	571.208.069

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	6.456.888.182	16.924.017.380	5.199.021.261	395.920.610	28.975.847.433
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	2.368.948.264	3.157.156.828	36.027.620	5.562.132.712
Thanh lý, nhượng bán	-	2.368.948.264	3.157.156.828	36.027.620	5.562.132.712
Tại ngày 31/12/2017	6.456.888.182	14.555.069.116	2.041.864.433	359.892.990	23.413.714.721
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	3.039.468.709	12.057.682.356	4.893.454.475	355.592.838	20.346.198.378
Tăng trong năm	504.600.320	1.849.164.898	144.667.320	26.413.331	2.524.845.869
Khấu hao trong năm	504.600.320	1.849.164.898	144.667.320	26.413.331	2.524.845.869
Giảm trong năm	-	2.368.948.264	3.005.504.578	36.027.620	5.410.480.462
Thanh lý, nhượng bán	-	2.368.948.264	3.005.504.578	36.027.620	5.410.480.462
Tại ngày 31/12/2017	3.544.069.029	11.537.898.990	2.032.617.217	345.978.549	17.460.563.785
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	3.417.419.473	4.866.335.024	305.566.786	40.327.772	8.629.649.055
Tại ngày 31/12/2017	2.912.819.153	3.017.170.126	9.247.216	13.914.441	5.953.150.936

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 5.559.160.165 VND (tại ngày 31/12/2016 là 10.395.746.027 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>77.060.200.503</b>	<b>58.279.940.009</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	15.102.613.925	11.704.947.332
<i>Công ty CP Nhựa Đồng Nai</i>	10.452.613.946	7.049.427.170
<i>Công ty CP Sông Đà Cao Cường</i>	4.649.999.979	4.655.520.162
Phải trả cho các đối tượng khác	61.957.586.578	46.574.992.677
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.302.179.139	491.073.660
<i>Tổng công ty Sông Đà</i>	<i>2.302.179.139</i>	<i>491.073.660</i>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	9.846.040.929	2.980.028.143	2.236.894.028	10.589.175.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.813.016.696	-	-	7.813.016.696
Thuế thu nhập cá nhân	1.386.417.559	9.109.492	10.000.000	1.385.527.051
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	550.664.820	215.320.126	115.338.412	650.646.534
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.724.990.318	(466.926.250)	5.000.000	8.253.064.068
<b>Cộng</b>	<b>28.321.130.322</b>	<b>2.737.531.511</b>	<b>2.367.232.440</b>	<b>28.691.429.393</b>

**Trong đó:**

Phải nộp 28.321.130.322

28.691.429.393

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.157.532.489</b>	<b>9.595.997.904</b>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	780.725.959	654.436.365
Chi phí công trình	9.651.159.517	8.234.846.234
Chi phí phải trả khác	725.647.013	706.715.305

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>19.1 Ngắn hạn</b>	<b>56.097.036.376</b>	<b>57.665.235.319</b>
Kinh phí công đoàn	421.218.562	381.817.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.476.291.359	7.715.637.658
Phải trả về cổ phần hóa	900.081.424	900.081.424
Lãi chậm nộp bảo hiểm	6.281.786.358	5.777.005.752
Lãi vay phải trả	4.685.415.199	3.439.131.079
Phải trả tiền mua chung cư BMM của khách hàng cho Công ty Sản xuất Thương mại BMM	21.304.101.696	24.014.101.696
Phải trả các đội thi công công trình	5.385.425.196	6.020.882.443
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.500.000.000	7.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.142.716.582	1.916.577.467
<b>19.2 Dài hạn</b>	<b>64.536.276.881</b>	<b>71.544.726.881</b>
Tiền bán nhà thu theo hợp đồng liên doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM đang chờ quyết toán	57.760.396.881	57.760.396.881
Phải trả tiền nhận ủy thác đầu tư của các cá nhân	6.775.880.000	13.784.330.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên</i>	-	6.930.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc</i>	2.572.100.000	2.572.100.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc</i>	3.746.280.000	3.824.730.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess</i>	457.500.000	457.500.000

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.503.863.328</b>	<b>19.291.285.852</b>
Các khoản vay	9.503.863.328	19.291.285.852



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

## a. Các khoản vay

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
Vay ngắn hạn	19.291.285.852	19.291.285.852	1.933.500.000	11.720.922.524	9.503.863.328
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	8.193.988.898	8.193.988.898	-	8.193.988.898	-
Công ty CP Vietcomex Hà Nội (1)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	400.000.000	600.000.000
Công ty CP TM Đông Trọng Thịnh (2)	-	-	800.000.000	-	800.000.000
Vay cá nhân (3)	10.097.296.954	10.097.296.954	1.133.500.000	3.126.933.626	8.103.863.328

(1) Khoản vay Công ty CP Vietcomex Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2016/HHTD/SD12-VCM ngày 11/3/2016. Số tiền cho vay 1.400.000.000 VND, được rút bằng VND. Mục đích vay để đủ nguồn tài chính đáp ứng tiến độ thi công của chủ đầu tư tại công trình hệ thống cấp nước ngọt - Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và thanh toán tiền cho Công ty CP Nhựa Đồng Nai để lấy ống nhựa HDPE phục vụ thi công Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2. Thời gian vay là 03 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất 7,5%/năm. Biện pháp đảm bảo tiền vay là tín chấp.

(2) Khoản vay Công ty CP TM Đông Trọng Thịnh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2017/HHTD/S12-CT ngày 06/12/2017 và biên bản làm việc ngày 16/11/2017 giữa công ty CP Sông Đà 12 và Công ty CP TM Đông Trọng Thịnh về việc vay vốn. Số tiền cho vay 1.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD và tái cấu trúc các khoản nợ của công ty. Thời gian vay là 02 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất 7%/năm. Biện pháp đảm bảo tiền vay là tín chấp.

(3) Khoản vay cá nhân được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các cá nhân tại từng thời điểm rút vốn. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	15.777.278.787	(63.396.218.142)	2.381.060.645
Lãi trong năm	-	-	268.781.739	268.781.739
Số đầu năm nay	50.000.000.000	15.777.278.787	(63.127.436.403)	2.649.842.384
Lỗ trong năm	-	-	(17.936.191.441)	(17.936.191.441)
Số cuối năm nay	50.000.000.000	15.777.278.787	(81.063.627.844)	(15.286.349.057)

**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Sông Đà	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
Các đối tượng khác	25.500.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CÒ TỨC, PHẦN PHỐI LỢI NHUẬN****a. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2017		Năm 2016	
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01		(63.127.436.403)		(63.396.218.142)
Tăng trong năm		(17.936.191.441)		268.781.739
Lỗ (lãi) trong năm		(17.936.191.441)		268.781.739
Giảm trong năm		-		-
<b>Số dư tại 31/12</b>		<b>(81.063.627.844)</b>		<b>(63.127.436.403)</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***22. DOANH THU**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>59.958.278.197</b>	<b>85.306.638.073</b>
Doanh thu bù giá tro bay	2.503.689.822	-
Doanh thu bán hàng hóa	1.367.833.271	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.078.212.838	10.093.228.810
Doanh thu hợp đồng xây dựng	54.008.542.266	75.213.409.263
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>59.958.278.197</b>	<b>85.306.638.073</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	2.527.245.058	15.925.779.028

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.520.445.721	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.896.102.545	9.368.954.282
Giá vốn hợp đồng xây dựng	56.229.599.203	67.787.033.523
Giá vốn sản xuất, kinh doanh gạch	-	2.412.384.658
Chi phí bù giá tro bay	3.245.622.848	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(200.536.016)
<b>Cộng</b>	<b>62.891.770.317</b>	<b>79.367.836.447</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.892.049	255.173.377
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	184.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>207.392.049</b>	<b>255.173.377</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	2.056.815.985	4.242.584.214
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	324.837.000	1.382.473.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.070.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>311.652.985</b>	<b>5.625.057.214</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.207.060.734</b>	<b>7.514.959.958</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	7.905.926.849	6.752.328.673
<i>Chi phí nhân viên</i>	3.750.570.370	4.965.296.830
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	4.155.356.479	1.787.031.843
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.126.760.815	828.631.285
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.174.373.070	(66.000.000)

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	10.045.454.545
Giá trị còn lại và chi phí chuyển nhượng bất động sản	-	(275.859.346)
Thu nhập từ thanh lý máy móc thiết bị	996.363.635	609.090.909
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý máy móc thiết bị	(151.652.250)	(113.821.328)
Thu từ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	14.500.000	145.372.727
Thu từ dịch vụ cho thuê	-	46.455.000
Thu khác	55.655.000	8.110.999
<b>Cộng</b>	<b>914.866.385</b>	<b>10.464.803.506</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	645.361.079	1.121.608.082
Giá trị còn lại của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	-	146.663.412
Chi phí tiền thuế đất	276.075.277	-
Chi phí sản xuất gạch dừng hoạt động	2.260.579.268	-
Chi phí khác	424.228.412	27.789.064
<b>Cộng</b>	<b>3.606.244.036</b>	<b>1.296.060.558</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)</b>	<b>(17.936.191.441)</b>	<b>2.222.700.779</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>645.361.079</i>	<i>1.121.608.082</i>
Khoản phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	645.361.079	1.121.608.082
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3), trong đó:</b>	<b>(17.290.830.362)</b>	<b>3.344.308.861</b>
Tổng lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động kinh doanh thông thường (4a)	(17.290.830.362)	(6.425.286.338)
Tổng lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (4b)	-	9.769.595.199
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh thông thường (6a)=(4a)*(5)	-	-
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng dự án (6b)=(4b)*(5)	-	1.953.919.040
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6a)+(6b)</b>	<b>-</b>	<b>1.953.919.040</b>

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.936.191.441)	268.781.739
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)</b>	<b>(17.936.191.441)</b>	<b>268.781.739</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)</b>	<b>(3.587)</b>	<b>54</b>

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

Mã số 22 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm số chưa thu được tiền là 1.005.700.085 VND.

Mã số 26 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền bù trừ với công nợ trả trước là 6.930.000.000 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

## 32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017.

## 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.20.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	3.854.582.854	4.457.268.769
Chứng khoán kinh doanh	2.530.567.500	2.955.404.500
Phải thu của khách hàng	44.976.932.455	54.601.874.194
Phải thu khác	5.227.591.916	25.214.409.535
<b>Cộng</b>	<b>56.589.674.725</b>	<b>87.228.956.998</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	77.060.200.503	58.279.940.009
Chi phí phải trả	10.376.806.530	8.941.561.539
Phải trả khác	40.017.658.673	42.890.692.685
Vay và nợ thuê tài chính	9.503.863.328	19.291.285.852
<b>Cộng</b>	<b>136.958.529.034</b>	<b>129.403.480.085</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng Đồng Việt Nam.

- *Rủi ro lãi suất*

Lãi suất của các khoản vay có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình chung của thị trường tiền tệ theo từng thời kỳ, do đó, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tài sản tài chính quá hạn</b>		
Quá hạn từ 03 năm trở lên	50.275.569.650	57.375.430.128
<b>Cộng</b>	<u>50.275.569.650</u>	<u>57.375.430.128</u>

Tại 31/12/2017, tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) hoặc giảm giá nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính là 15.770.500.726 VND. Các tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) còn lại Ban Giám đốc Công ty đánh giá có khả năng thu hồi nên chưa trích lập dự phòng.

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
<b>31/12/2017</b>		
Phải trả người bán	77.060.200.503	-
Chi phí phải trả	10.376.806.530	-
Phải trả khác	40.017.658.673	-
Vay và nợ thuê tài chính	9.503.863.328	-
<b>Cộng</b>	<b>136.958.529.034</b>	<b>-</b>
<b>01/01/2017</b>		
Phải trả người bán	58.279.940.009	-
Chi phí phải trả	8.941.561.539	-
Phải trả khác	42.890.692.685	-
Vay và nợ thuê tài chính	19.291.285.852	-
<b>Cộng</b>	<b>129.403.480.085</b>	<b>-</b>

- Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

## 34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng công ty Sông Đà</b>		
Phải trả tiền thuê văn phòng	4.758.683.272	1.177.143.660
Phải trả tiền phí bảo lãnh	45.468.474	34.117.680
Tiền thuê văn phòng và phí bảo lãnh đã trả	-	765.127.781
Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khách hàng	2.993.046.267	-
Chuyển từ phải thu khác sang phải thu khách hàng tiền khối lượng đã xuất hóa đơn	-	411.894.301
Doanh thu xây lắp	2.527.245.058	15.925.779.028
Thuế GTGT từ doanh thu xây lắp	252.724.506	1.609.242.709
Thu tiền doanh thu xây lắp	1.098.549.626	17.326.880.454
Bù trừ công nợ phải thu và tiền ứng trước	277.996.956	-
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Tổng Giám đốc	166.846.346	224.247.200
Người quản lý khác	146.796.666	333.349.464
<b>Cộng</b>	<b>313.643.012</b>	<b>557.596.664</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận xây lắp, bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh thương mại. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây lắp: xây dựng các công trình điện, thủy điện, các công trình xây lắp theo hợp đồng.

Bộ phận cung cấp dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, cung cấp điện, nước, cho thuê máy móc, thiết bị và cho thuê văn phòng.

Bộ phận thương mại: Bán tro bay và bán thép.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2017**

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Đơn vị tính: VND Cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				251.020.594.134
<b>Cộng</b>				<b>251.020.594.134</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				266.306.943.191
<b>Cộng</b>				<b>266.306.943.191</b>

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2016**

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Đơn vị tính: VND Cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	-	-	15.175.907.958	15.175.907.958
Tài sản không phân bổ				265.298.657.497
<b>Cộng</b>				<b>280.474.565.455</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	36.897.204.171	36.897.204.171
Nợ phải trả không phân bổ				240.927.518.900
<b>Cộng</b>				<b>277.824.723.071</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực thương mại	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	54.008.542.266	2.078.212.838	3.871.523.093	59.958.278.197
Giá vốn hàng bán	56.229.599.203	1.896.102.545	4.766.068.569	62.891.770.317
Chi phí không phân bổ				12.207.060.734
Doanh thu hoạt động tài chính				207.392.049
Chi phí tài chính				311.652.985
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(15.244.813.790)
Lãi (lỗ) khác				(2.691.377.651)
Lợi nhuận trước thuế				(17.936.191.441)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>(17.936.191.441)</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016**

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực thương mại	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	75.213.409.263	10.093.228.810	-	85.306.638.073
Giá vốn hàng bán	67.787.033.523	9.368.954.282	2.211.848.642	79.367.836.447
Chi phí không phân bổ				7.514.959.958
Doanh thu hoạt động tài chính				255.173.377
Chi phí tài chính				5.625.057.214
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(6.946.042.169)
Lãi (lỗ) khác				9.168.742.948
Lợi nhuận trước thuế				2.222.700.779
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.953.919.040
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>268.781.739</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Ban Giám đốc cho rằng Tổng công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty lỗ 17.936.191.441 VND, lỗ lũy kế đến 31/12/2017 là 81.063.627.844 VND. Tại ngày 31/12/2017, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 27.937.423.571 VND. Những yếu tố này tạo sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính này chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào được xem là cần thiết đối với việc phân loại lại tài sản hoặc công nợ nếu Công ty không còn khả năng tiếp tục hoạt động.

Tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đang tìm kiếm các biện pháp tài chính hợp lý để duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

**Người lập biểu - Kế toán trưởng**

**Nguyễn Văn Hải**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018*

**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Văn Thái**